

**KẾ HOẠCH**

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan  
nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn  
thông tin mạng tỉnh Bình Thuận năm 2021**

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15/7/2020 và Kế hoạch số 5308/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Thuận năm 2021 với nội dung như sau:

**I. CĂN CỨ VÀ MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH**

- Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
- Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;
- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/3/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Thuận, phiên bản 2.0;

- Kế hoạch số 3004/KH-UBND ngày 03/9/2015 của UBND tỉnh về việc phát triển ngành Công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

- Kế hoạch số 908/KH-UBND ngày 09/3/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận từ năm 2018 đến 2020, định hướng đến năm 2025;

- Kế hoạch số 1478/KH-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Kế hoạch số 1258/KH-UBND ngày 11/4/2019 về triển khai thực hiện Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính quyền điện tử tỉnh Bình Thuận đến 2020, định hướng 2025;

- Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án “Đô thị thông minh tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn năm 2030”;

- Kế hoạch số 3360/KH-UBND ngày 03/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Kế hoạch số 5038/KH-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 05/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Đề án “Xây dựng đô thị thông minh tỉnh Bình Thuận, giai đoạn 2019 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu ban hành các chương trình, chính sách thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT và truyền thông; phát triển giao dịch điện tử, chương trình phát triển hạ tầng viễn thông và Internet nhằm xây dựng thành công Chính quyền điện tử và triển khai các nội dung Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Thuận.

- Thực hiện cơ bản các nền tảng và ứng dụng trong Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Thuận; Xây dựng một nền hành chính điện tử, hiện đại, đồng bộ và liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã; Hoàn thiện các hệ thống thông tin (HTTT), các cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của tỉnh; Phát triển Chính quyền điện tử tỉnh hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số. Thực hiện chuyển đổi số để góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

- Cung cấp và triển khai các giải pháp thiết thực, phù hợp và hiệu quả nhằm nâng cao tần suất sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và dịch vụ Bưu chính công ích trong tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp; Đẩy mạnh thuê dịch vụ CNTT, sử dụng sản phẩm, giải pháp, dịch vụ của doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam.

- Phát triển nguồn nhân lực CNTT có khả năng tiếp cận và làm chủ công nghệ mới đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo điều hành qua môi trường mạng của các cấp lãnh đạo.

- Tiếp tục xây dựng một số CSDL chuyên ngành phục vụ quản lý nhà nước, người dân và doanh nghiệp phù hợp với danh mục các CSDL Quốc gia và ưu tiên triển khai theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

## **2. Chỉ tiêu chủ yếu**

- 100% cán bộ, công chức cấp của tỉnh đều được trang bị máy tính làm việc và được cài phần mềm diệt virus có bản quyền.

- 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện trang bị tường lửa (Firewall cứng và mềm), thực hiện sao lưu dữ liệu.

- 100% văn bản ban hành của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện được ký số và gửi liên thông trong hệ thống phần mềm QLVB&ĐH. Kết nối liên thông gửi, nhận văn bản điện tử với các Bộ, ngành Trung ương và địa phương theo mô hình 4 cấp (Cấp xã – Trung ương) qua Trục liên thông văn bản Quốc gia.

- 100% trang Thông tin điện tử các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện và trên 90% cán bộ, công chức cấp xã thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong công việc.

- Tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống hội nghị truyền hình và xử lý công việc, văn phòng điện tử.

- 30% dịch vụ cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp (*30% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3-4*).

- 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh được cập nhật, quản lý trong hệ thống phần mềm Một cửa điện tử; 100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được xác thực điện tử.

- 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt từ 25% trở lên. Tích hợp 35% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4. 100% dịch vụ công được hỗ trợ sử dụng, giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 51% các sở, ban, ngành công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; tối thiểu 50% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 30% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.

- 100% cán bộ chuyên trách CNTT các cơ quan Nhà nước được đào tạo nâng cao, chuyên sâu về quản trị hệ thống mạng, an toàn và an ninh thông tin, chuyển đổi Ipv6.

- 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện triển khai hiệu quả ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế.

- 100% các bệnh viện, cơ sở y tế từ tỉnh đến xã thực hiện việc báo cáo và trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu trên hệ thống thông tin ngành Y tế.

- 100% các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện quản lý hành chính, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng.

### **III. NỘI DUNG**

#### **1. Hoàn thiện môi trường pháp lý**

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 trên cơ sở ban hành Chiến lược Quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030 nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ Việt Nam và các sản phẩm công nghệ “Make in Viet Nam”.

- Xây dựng và ban hành Bộ chỉ số đánh giá hiệu quả phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Thuận (KPI) *(theo Công văn số 3098/BTTTT-KHCN ngày 13/9/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về công bố Bộ chỉ số Đô thị Thông minh Việt Nam giai đoạn đến 2025, phiên bản 1.0)*.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý, sử dụng Chữ ký số phù hợp với quy định hiện hành.

- Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Cổng thông tin điện tử tỉnh.

- Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng phần mềm Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (thay thế Quyết định 641/QĐ-UBND của UBND tỉnh)

- Cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành các nội dung về ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin mạng theo quy định.

#### **2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật**

- Tiếp tục đầu tư bổ sung hạ tầng mạng và trang thiết bị CNTT cho Bộ phận Một cửa cấp huyện, xã theo Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án nâng cấp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo hướng hiện đại trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Triển khai dự án “Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh” đảm bảo hạ tầng kỹ thuật để triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Tiếp tục khai thác có hiệu quả hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh; Đầu tư, triển khai mở rộng hệ thống đến cấp xã.

- Hoàn thiện mạng Truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã đảm bảo hoạt động thông suốt, ổn định để triển khai hiệu quả các ứng dụng dùng chung của tỉnh; Tiếp tục hoàn thiện kết nối mạng WAN giữa UBND cấp huyện với các cơ quan chuyên môn trực thuộc.

- Đầu tư, nâng cấp, phát triển hạ tầng CNTT trong các đơn vị: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải... theo hướng kế thừa và sử dụng có hiệu quả hạ tầng CNTT sẵn có; Lựa chọn và triển khai hình thức thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật trong việc triển khai các ứng dụng quản lý chuyên ngành.

### **3. Phát triển các hệ thống nền tảng**

- Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với các phiên bản Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam hướng tới nền Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

- Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh LGSP (*triển khai các thành phần còn lại trong LGSP; các hệ thống nền tảng đặc thù dùng chung cho các ứng dụng của ngành; ...*).

- Triển khai kết nối, tích hợp, liên thông dữ liệu và chia sẻ thông tin các hệ thống thông tin trong tỉnh (hệ thống dùng chung) và Trung ương (Bộ Tài chính: cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ ngân sách, Bộ Kế hoạch đầu tư: CSDL đăng ký kinh doanh, Bộ Tư pháp: Hệ thống thông tin ngành tư pháp...).

- Triển khai Trung tâm điều hành Đô thị thông minh (IOC) tỉnh Bình Thuận.

- Xây dựng khung Kiến trúc ICT phát triển Đô thị Thông minh tỉnh Bình Thuận (*thực hiện Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh, phiên bản 1.0*).

### **4. Phát triển cơ sở dữ liệu**

- Xây dựng và ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh

- Chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu nông nghiệp nông thôn tỉnh.

- Tạo lập và hoàn thiện cơ sở dữ liệu hộ tịch tỉnh Bình Thuận.

## **5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ CNTT**

### ***5.1. Ứng dụng dùng chung trong cơ quan nhà nước***

- Ưu tiên nâng cấp phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh bảo đảm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP, Thông tư số 02/2019/TT-BNV và phát triển phiên bản trên nền di động.

- Tiếp tục đầu tư hệ thống các phần mềm cho bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo Đề án đã được phê duyệt.

- Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin (*tích hợp ứng dụng chữ ký số vào các hệ thống thư điện tử, một cửa điện tử, các dịch vụ công trực tuyến ...nhằm đảm bảo tính xác thực, toàn vẹn trong quá trình trao đổi văn bản, hồ sơ điện tử*) và thiết bị di động để thuận tiện cho việc sử dụng của người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo và chỉ đạo điều hành tỉnh Bình Thuận tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước nhằm tổng hợp thông tin vào kho dữ liệu chung, phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan hành chính nhà nước các cấp và hỗ trợ đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Đồng thời thực hiện tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ và Hệ thống thông tin báo cáo của các Bộ, ngành Trung ương.

- Triển khai hệ thống họp không giấy tờ E-Cabinet để phục vụ các cuộc họp của UBND tỉnh.

- Triển khai xây dựng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác quy hoạch.

- Đẩy mạnh thuê dịch vụ CNTT sử dụng sản phẩm, giải pháp, dịch vụ của doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng, hệ thống thông tin đã được đầu tư; tích hợp, chia sẻ dữ liệu và liên thông các hệ thống thông tin trong tỉnh và Trung ương.

### ***5.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân doanh nghiệp***

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị cung cấp các chuyên mục, đăng tải đầy đủ các thông tin đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ; Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Xây dựng, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công, hệ thống thông tin Một cửa điện tử của tỉnh, tổ chức thực hiện kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Cổng

Dịch vụ công Quốc gia thông qua cơ chế đăng nhập một lần từ Cổng Dịch vụ công quốc gia theo lộ trình và chỉ tiêu quy định của Chính phủ.

- Triển khai mở rộng đầu tư hệ thống phần mềm Một cửa điện tử liên thông cho Bảo hiểm xã hội tỉnh và triển khai mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

- Duy trì và khai thác hiệu quả Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị do Văn phòng Chính phủ triển khai.

- Rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

- Triển khai có hiệu quả dịch vụ trả kết quả thủ tục hành chính công (đến tận nơi theo yêu cầu của người dân, doanh nghiệp) thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Giới thiệu mô hình ứng dụng CNTT trong các hoạt động (thương mại, sản xuất công nghiệp, dịch vụ du lịch, hợp tác xã, làng nghề...) mang lại hiệu quả. Kết hợp với các doanh nghiệp sản xuất phần mềm hỗ trợ chuyên giao các giải pháp hỗ trợ CNTT cho công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quảng bá sản phẩm, dịch vụ, các giải pháp phần mềm tích hợp, hỗ trợ về tự động hóa thiết bị máy móc nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Tuyên truyền và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch điện tử theo kế hoạch của Bộ Công thương.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các ngành: Giao thông vận tải, Xây dựng, Du lịch... trong việc quản lý hạ tầng - kỹ thuật, cấp phép hành nghề, cung cấp thông tin quảng bá hình ảnh, dự án du lịch, giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ, tour tuyến du lịch trên các Website; tổ chức chuyên trang Hỏi - Đáp; cung cấp thông tin dịch vụ online.

### ***5.3. Ứng dụng CNTT trong một số ngành***

#### **a) Trong Giáo dục:**

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và dạy học, trong ngành giáo dục; tăng cường sử dụng số điện tử trong nhà trường. Triển khai theo mô hình thuê dịch vụ, các thiết bị hiện đại nhằm giảm bớt chi phí mua sắm các trang thiết bị đắt tiền vì một số thiết bị sau một thời gian ngắn sử dụng thì không còn phù hợp với công nghệ.



- Đẩy mạnh việc thực hiện các hệ thống EMIS, PMIS, quản lý trường học VnEdu cho các trường học trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo cơ sở dữ liệu được liên thông từ cấp trường đến cấp Phòng và cấp Sở.

- Triển khai hệ thống Quản lý hành chính điện tử và liên thông toàn ngành; Tăng cường ứng dụng hội thảo, họp qua mạng cho Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường trung học phổ thông để việc tổ chức các cuộc họp, hội thảo, tập huấn cho cán bộ, giáo viên, học sinh được thực hiện tại địa phương nhằm giảm chi phí đi lại và tăng số lượng người được tham gia; bổ sung, cập nhật các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tuyển sinh đầu cấp học.

- Quản lý học sinh, quản lý giáo viên, quản lý thi, xếp thời khoá biểu, sổ quản lý điện tử; Tích hợp với Trang tin điện tử của nhà trường trên môi trường mạng ở tất cả các cấp học.

- Xây dựng kho học liệu số dùng chung; Hệ thống Ngân hàng câu hỏi trực tuyến của các môn học và phần mềm kiểm tra, đánh giá tập trung qua mạng.

- Đầu tư cơ sở vật chất, phòng máy vi tính, phòng học thông minh nhằm nâng cao chất lượng dạy - học trên nguyên tắc thiết thực, hiệu quả.

#### b) Trong Y tế:

- Thiết lập hạ tầng mạng thống nhất từ tỉnh đến cơ sở y tế xã, phường. Bảo đảm thông tin được cung cấp kịp thời, đúng quy định, ưu tiên hệ thống thông tin về dịch bệnh, tai nạn, phục vụ công tác quản lý ngành trên môi trường mạng.

- Ứng dụng CNTT trong tất cả các bệnh viện tỉnh, huyện tiến đến xây dựng bệnh án điện tử cho công dân, tạo lập liên kết thông tin về bảo hiểm y tế, giáo dục, chính sách xã hội cho các đối tượng liên quan.

- Triển khai kết nối mạng các cơ sở cung ứng thuốc nhằm tăng cường quản lý, kiểm soát thuốc đối với cơ quan quản lý, cơ sở cung ứng thuốc và cơ sở y tế.

#### c) Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

Ứng dụng mạnh mẽ CNTT vào lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Tập trung vào lĩnh vực đất đai và tài nguyên khoáng sản, bảo đảm minh bạch công khai trên môi trường Internet. Khai thác có hiệu quả hệ thống hạ tầng và thông tin quản lý đất đai được đầu tư đến cấp huyện. Hoàn thành việc số hóa và xây dựng CSDL đất đai toàn tỉnh. Cập nhật thông tin về quy hoạch đất đai, khoáng sản và các dự án khai thác tài nguyên khoáng sản trên trang thông tin điện tử của tỉnh.

#### d) Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh

Phát triển các ứng dụng phù hợp về CNTT trong ngành để quản lý các đối tượng xã hội, gia đình và chính sách, hộ nghèo, người có công. Hình thành CSDL của ngành, liên kết liên thông với các ngành bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục trong việc cung cấp dịch vụ cho các đối tượng theo chính sách nhà nước.

#### đ) Trong Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Xây dựng ứng dụng CNTT trong nông nghiệp và phát triển nông thôn: Chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu nông nghiệp nông thôn tỉnh; Cập nhật thông tin về rừng, thủy sản, thủy lợi, sản phẩm nông lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Ứng dụng CNTT nhằm hỗ trợ việc chuyển dịch tái cơ cấu nông nghiệp - nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Cung cấp thông tin trên các Website của ngành Nông nghiệp để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

### **6. Đảm bảo an toàn thông tin**

- Triển khai hệ thống Giám sát, quản lý tập trung cấp tỉnh (SOC).
- Triển khai dự án “Đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin mạng trong hoạt động các cơ quan nhà nước”.
- Thực hiện chuyển đổi hỗ trợ đồng thời IPv4/IPv6 cho hệ thống mạng diện rộng (WAN) của tỉnh.
- Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Tăng cường triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống, phần mềm, hạ tầng ứng dụng CNTT tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh.
- Kiện toàn hệ thống các đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin. Xây dựng, hình thành và nâng cao năng lực hệ thống hạ tầng kỹ thuật giám sát và bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng.
- Phối hợp với Trung tâm ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT), các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực an toàn thông tin... tổ chức diễn tập phòng chống tấn công mạng.
- Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh; Đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn và an ninh thông tin tại các cơ quan trong tỉnh; Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc để lộ, lọt thông tin, chống xâm nhập, khai thác thông tin mật ở các cơ quan, đơn vị; Phát hiện, điều tra làm rõ nguyên nhân để lộ, lọt bí

mật nhà nước qua trao đổi trên mạng để xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật; Đồng thời, đề xuất giải pháp khắc phục.

- Các sở, ngành, địa phương xây dựng giải pháp bảo mật, chống xâm nhập thông qua thiết bị ngăn chặn; Bổ sung thiết bị an toàn và bảo mật mạng (Firewall), thiết bị chuyển mạch trung tâm để cấu hình tạo vùng an toàn dữ liệu và trang bị thiết bị sao lưu dữ liệu; trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền.

## **7. Nguồn nhân lực CNTT**

- Tổ chức đào tạo, tập huấn về công nghệ IPv6 cho đội ngũ Quản trị mạng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật và nghiệp vụ nâng cao, chuyên sâu cho đội ngũ nhân lực giám sát, đảm bảo an toàn thông tin mạng của tỉnh, đặc biệt là Đội ứng cứu sự cố tình.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng CNTT như: Chuẩn kỹ năng về an toàn thông tin, Chính phủ số, chuyển đổi số... cho cán bộ chuyên trách CNTT các sở, ngành và địa phương và cán bộ tin học/kiêm nhiệm cấp xã.

- Thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao về làm việc tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh.

## **IV. GIẢI PHÁP**

### **1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp**

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cán bộ, nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của CNTT đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tại địa phương; thu hút, định hướng người dân, doanh nghiệp ứng dụng CNTT, tham gia xây dựng Chính quyền điện tử, hình thành “văn hóa số” cho người dân. Chú trọng tuyên truyền về thực hiện thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh như: danh mục, cách thức nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4; Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ trực tuyến; Tuyên truyền kết quả giải quyết TTHC điện tử của cơ quan có thẩm quyền có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết TTHC bằng bản giấy,... để người dân, doanh nghiệp biết và thực hiện; Đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; Cung cấp ứng dụng, nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; Ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; Phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân;...

- Tuyên truyền về lợi ích của việc xây dựng, kết nối chia sẻ dữ liệu số. Thúc đẩy các hoạt động số hóa dữ liệu của các cơ quan Nhà nước để từng bước xây dựng và củng cố tài nguyên dữ liệu quốc gia.

- Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc ứng dụng và phát triển CNTT. Mọi cán bộ, công chức, viên chức cần gương mẫu, đi đầu trong việc ứng dụng CNTT. Gắn việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị với việc ứng dụng tích cực CNTT trong chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ.

- Tăng cường phát hành văn bản sử dụng chữ ký số, trao đổi thông tin với các cơ quan, đơn vị có liên quan qua môi trường điện tử; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành các hoạt động của UBND cấp xã.

- Tiếp tục khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống các cơ sở dữ liệu của quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong giải quyết công việc, nâng cao hiệu quả quản lý hồ sơ.

## **2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp**

- Người đứng đầu các cơ quan phải chủ động, có quyết tâm chính trị cao, theo sát và ủng hộ quá trình ứng dụng CNTT vào cơ quan mình.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp để thực hiện tốt việc triển khai các hệ thống thông tin và các dịch vụ hành chính công. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn liền với việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; gắn ứng dụng công nghệ thông tin với chỉ tiêu thi đua, khen thưởng của đơn vị và thủ trưởng cơ quan.

- Khuyến khích các doanh nghiệp giới thiệu, triển khai các phần mềm ứng dụng thiết thực, hiệu quả, có tính cạnh tranh trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tỉnh; cung cấp dịch vụ công thông qua mạng bưu chính công ích, ứng dụng của doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai Chính quyền điện tử/Chính quyền số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối...

## **3. Thu hút nguồn lực CNTT**

- rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, cơ chế chính sách thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao về làm việc tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh; chính sách, đãi ngộ, chế độ lương, phụ cấp phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác

chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp các quy định hiện hành và tình hình thực tế của tỉnh.

- Triển khai thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc trong cơ quan nhà nước tỉnh.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin, nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ quan, đơn vị.

## **V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Văn phòng UBND tỉnh**

Phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lựa chọn, đề xuất danh mục thủ tục hành chính ưu tiên thực hiện trên môi trường điện tử; Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thủ tục hành chính ưu tiên thực hiện trên môi trường điện tử năm 2021 (*Danh mục thủ tục hành chính được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 năm 2021*).

### **2. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các nội dung trong Kế hoạch bảo đảm đạt được các mục tiêu đề ra.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, hạng mục, dự án theo Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo đánh giá việc thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng cho Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ.

### **3. Sở Tài chính**

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu bố trí nguồn vốn cho các chương trình, dự án công nghệ thông tin trong năm; theo dõi cấp phát kinh phí kịp thời cho các đơn vị thực hiện dự án theo dự toán đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí chi ứng dụng CNTT theo đúng quy định.

#### **4. Sở Kế hoạch và đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí các nguồn vốn đầu tư phát triển tỉnh cho các dự án công nghệ thông tin.

#### **5. Sở Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc các cơ quan quản lý nhà nước việc thực hiện cải cách hành chính gắn kết với ứng dụng công nghệ thông tin.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế chính sách thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao về làm việc tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh; chính sách, đãi ngộ, chế độ lương, phụ cấp phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp các quy định hiện hành và tình hình thực tế của tỉnh. Tham mưu biên chế về chuyên trách CNTT, an toàn, an ninh thông tin mạng cho các sở, ngành, địa phương.

#### **6. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ để xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2021 của đơn vị bảo đảm đồng bộ, phù hợp với các nội dung Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh.

- Định kỳ hàng Quý báo cáo, đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện Kế hoạch của đơn vị, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

#### ***Nơi nhận:***

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PVP. UBND tỉnh;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TTTT, Càng.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Hòa**